TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2022/DS-ST
Ngày : 16/8/2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Trí

2. Bà Phan Hoàng Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Y tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 171/2022/TLST-DS, ngày 02 tháng 6 năm 2022, về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 345/2022/QĐXXST - DS ngày 27 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1961. Địa chỉ: Số19/5, đường A, phường X, thành phố Y, tỉnh AG(Có mặt);

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà T: Bà Thái Thị Diễm Trúc, sinh năm: 1980, là Luật sư của Công ty TNHH MTV TNH và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh AG (Có mặt).

- *Bị đơn:* + Ông Nguyễn Bá Q, sinh năm 1962;

+ Bà Mai Thị X, sinh năm 1963

Cùng địa chỉ: Số 1/51, đường K, khóm BL3, phường X, thành phố Y, tỉnh AG (Ông Q và bà X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vào ngày 06/6/2022).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Qua người quen giới thiệu nên bà Lê Thị T có cho vợ chồng ông Nguyễn Bá Q và bà Mai Thị X vay tiền tổng cộng là 09 lần, có làm biên nhận, lãi suất thỏa thuận miệng 3%/tháng nhưng không ghi vào biên nhận, như sau:

- Lần 1: Ngày 27/9/2020, vay số tiền 200.000.000 đồng.

- Lần 2: Ngày 13/10/2020, vay số tiền 100.000.000 đồng.

- Lần 3: Ngày 16/10/2020, vay số tiền 100.000.000 đồng.

- Lần 4: Ngày 30/10/2020, vay số tiền 150.000.000 đồng.

- Lần 5: Ngày 15/11/2020, vay số tiền 200.000.000 đồng.

- Lần 6: Ngày 24/11/2020, vay số tiền 300.000.000 đồng.

- Lần 7: Ngày 09/12/2020, vay số tiền 100.000.000 đồng.

Tổng cộng: 1.150.000.000 đồng, 07 biên nhận trên đều do ông Q trực tiếp viết và ký tên, không thỏa thuận thời hạn thanh toán và đã được bà T tổng hợp lập thành vi bằng số: 22/VB-TPL ngày 14/4/2021 do Văn phòng Thừa phát lại Y lập.

- Lần 8: Ngày 06/02/2021, vay số tiền 1.500.000.000 đồng, thỏa thuận thời gian thanh toán là ngày 30/4/2021;

- Lần 9: Ngày 30/6/2021, ông Q, bà X vay thêm 1.000.000.000 đồng. Đối với khoản vay lần thứ 9, thời hạn thanh toán 03 tháng kể từ ngày hợp đồng được chứng nhận; các bên có lập hợp đồng vay tài sản và có biện pháp bảo đảm là thế chấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 30/6/2021 được công chứng tại văn phòng công chứng Hoàng Gia cùng ngày, gồm:

+ Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C312017, (số vào sổ 00566/QSDĐ/dl) do Ủy ban nhân dân huyện An Phú cấp ngày 06/11/1993 cho ông Nguyễn Bá Q, có diện tích: 1.609m^2 , thửa số 1477, 1485; tờ bản đồ số 03; đất tọa lạc tại xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

+ Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 092337, (số vào sổ CH01152dL) cấp ngày 10/12/2010 cho ông Nguyễn Bá Q, diện tích: 1390,6m^2, thuộc thửa số 96, tờ bản đồ số 49, đất tọa lạc tại xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Từ khi vay tiền cho đến nay, ông Q, bà X chưa trả được bất kỳ khoản tiền gốc và lãi nào cho bà T mặc dù bà T đã nhiều lần nhắc nhở.

Tại đơn khởi kiện ngày 01/3/2022 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/4/2022, bà T yêu cầu ông Q và bà X cùng có trách nhiệm trả tổng số tiền 4.050.000.000 đồng (tạm tính đến ngày 01/3/2022), trong đó: nợ gốc: 3.650.000.000 đồng và lãi: 395.000.000

đồng.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị T thay đổi một phần yêu cầu buộc ông Nguyễn Bá Q và bà Mai Thị X cùng có trách nhiệm trả tổng số tiền nợ gốc: 3.650.000.000 đồng và lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 27/9/2020 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Đối với hợp đồng thế chấp được ký ngày 30/6/2021 tại văn phòng công chứng Hoàng Gia thì bà T đồng ý trả lại bản chính các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho ông Q, bà X sau khi thanh toán đủ tiền gốc và lãi cho bà.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Lê Thị T có, Luật sư Thái Thị Diễm Trúc trình bày: Bà thống nhất theo nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà T.

Bị đơn ông Nguyễn Bá Q và bà Mai Thị X có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nhưng có văn bản trình bày ý kiến như sau:

Ông Q và bà Mai thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T về việc thanh toán số tiền nợ gốc 3.650.000.000 đồng nhưng không đồng ý với số tiền lãi 395.000.000 đồng mà đề nghị tính lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 27/9/2020 cho đến khi xét xử. Đồng thời, ông Q, bà X yêu cầu bà T trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thế chấp vào ngày 30/6/2021 tại văn phòng công chứng Hoàng Gia cho ông Q, bà X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với việc tính lãi theo quy định của pháp luật.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Q, bà X cùng có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc: 3.650.000.000 đồng và tính lãi suất 10%/năm tính đến ngày xét xử kể từ ngày lập vi bằng (14/4/2021) đối với số tiền gốc 1.150.000.000 đồng và kể từ ngày 06/02/2021 đối với số tiền gốc 1.500.000.000 đồng và kể từ ngày 30/6/2021 đối với số tiền gốc 1.000.000.000 đồng.

+ Tuyên bố hợp đồng vay tài sản có biện pháp bảo đảm được ký ngày 30/6/2021 tại văn phòng công chứng Hoàng Gia giữa bà Lê Thị T với ông Nguyễn Bá Q, bà Mai Thị X là vô hiệu một phần đối với phần thế chấp tài sản là quyền sử

dụng đất.

+ Bà T có nghĩa vụ trả lại 02 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C312017, (số vào sổ 00566/QSDĐ/dl) và BD 092337, (số vào sổ CH01152dL) cho ông Q, bà X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Lê Thị T khởi kiện ông Nguyễn Bá Q và bà Mai Thị X. Ông Q và bà X có nơi cư trú tại khóm BL3, phường X, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Bà Lê Thị T khởi kiện ông Nguyễn Bá Q và bà Mai Thị X yêu cầu trả tiền vay, khi xác lập hợp đồng vay tài sản ông Q, bà X có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T. Do đó, xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng vay tài sản, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc tính lãi theo quy định của pháp luật. Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện trên là tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Căn cứ vào 08 biên nhận nợ và 01 hợp đồng vay tài sản có biện pháp bảo đảm là thế chấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được công chứng vào ngày 30/6/2021 tại văn phòng công chứng Hoàng Gia giữa bà Lê Thị T với ông Nguyễn Bá Q, bà Mai Thị X và bản tự khai ngày 06/6/2022 thì ông Q, bà X đã thừa nhận có vay tổng số tiền nợ gốc là: 3.650.000.000 đồng của bà T. Do đó, có cơ sở xác định giữa bà T với ông Q, bà X đã xác lập hợp đồng vay tài sản với tổng số tiền nợ gốc là: 3.650.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng 3%/tháng. Hợp đồng trên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Q, bà X chưa thanh toán được bất kỳ số tiền gốc và lãi nào là vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo hợp đồng, do đó cần buộc ông Q, bà X trả số tiền gốc và lãi theo quy định pháp luật là phù hợp theo quy định tại Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, theo biên nhận nợ các ngày 27/9/2020, 13/10/2020, 16/10/2020, 30/10/2020, 15/11/2020, 24/11/2020, 09/12/2020 (07 biên

nhận này đã được bà T tổng hợp lập thành vi bằng số: 22/VB-TPL ngày 14/4/2021 do Văn phòng Thừa phát lại Long Xuyên lập), 06/02/2021 và 30/6/2021 được xác lập giữa bà T với ông Q, bà X đều không ghi lãi suất mà theo bà T thì cho rằng lãi suất thỏa thuận miệng 3%/tháng; ông Q, bà X không thống nhất và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật. Theo khoản 2 Điều Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định *"Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ".*

Do ông Q, bà X chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là có căn cứ.

Như vậy, tiền lãi chậm trả của các khoản vay được tính như sau:

- Lần 1 đến lần 7 được tổng hợp thành vi bằng số: 22/VB-TPL ngày 14/4/2021 do Văn phòng Thừa phát lại Long Xuyên lập từ ngày 14/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 16/8/2022 là:

1.150.000.000 đồng x 10%/năm (tức 0,83%/tháng) x 490 ngày = 156.527.778 đồng.

- Lần 8: từ ngày 06/02/2021 đến ngày 16/8/2022 là: 1.500.000.000 đồng x 10%/năm (tức 0.83%/tháng) x 557 ngày = 232.083.333 đồng;

- Lần 9: từ ngày 30/6/2021 đến ngày 16/8/2022 là: 1.000.000.000 đồng x 10%/năm (tức 0.83%/tháng) x 413 ngày = 114.722.222 đồng;

Tổng số tiền lãi mà ông Q, bà X phải trả là:

156.527.778 đồng + 232.083.333 đồng + 114.722.222 đồng = 503.333.333 đồng.

Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc ông Q, bà X trả cho bà T số tiền gốc 3.650.000.000 đồng và tiền lãi (tính đến ngày 16/8/2022) là 503.333.333 đồng, tổng cộng: 4.153.333.333 đồng.

[6] Ông Q, bà X yêu cầu bà T trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C312017, (số vào sổ 00566/QSDĐ/dl) do Ủy ban nhân dân huyện An Phú cấp ngày 06/11/1993 cho ông Nguyễn Bá Q, có diện tích: 1.609m^2 , thửa số 1477, 1485; tờ bản đồ số 03 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 092337, (số vào sổ CH01152dL) cấp ngày 10/12/2010 cho ông Nguyễn Bá Q, diện tích: 1390,6m^2, thuộc thửa số 96, tờ bản đồ số 49, đất đều tọa lạc tại xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, tỉnh AGcho ông Q, bà X. Bà T cũng đồng ý trả lại bản chính các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên khi ông Q, bà X trả toàn bộ số tiền gốc và lãi cho bà.

[7] Hội đồng xét xử nhận thấy để đảm bảo cho khoản vay, ông Q, bà X đã thế chấp cho bà T các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C312017, (số vào sổ 00566/QSDĐ/dl) do Ủy ban nhân dân huyện An Phú cấp ngày 06/11/1993 cho ông

Nguyễn Bá Q, có diện tích: 1.609m^2 , thửa số 1477, 1485; tờ bản đồ số 03 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 092337, (số vào sổ CH01152dL) cấp ngày 10/12/2010 cho ông Nguyễn Bá Q, diện tích: 1390,6m^2, thuộc thửa số 96, tờ bản đồ số 49, đất đều tọa lạc tại xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Do đó, căn cứ vào các Điều 317, 318, 319, 321, 322, 323 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 167, khoản 3 Điều 188 Luật đất đai năm 2013; điểm c, khoản 1 Điều 10, Điều 12 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 4, Điều 5 Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 về đăng ký biện pháp bảo đảm. Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được ký kết giữa bà T với ông Q, bà X mặc dù lập thành văn bản, có thủ tục công chứng, chứng thực hợp đồng nhưng không đăng ký giao dịch bảo đảm là chưa thực hiện đúng quy định về trình tự, thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm, vi phạm về hình thức của hợp đồng theo Điều 122, 129 Bộ luật dân sự năm 2015 nên không làm phát sinh hiệu lực của hợp đồng. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà T, tuyên bố Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được ký kết giữa bà T với ông Q, bà X là vô hiệu.

[8] Theo quy định tại Điều 131 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì khi giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập và các bên phải khôi phục lại tình trạng ban đầu. Vì vậy, cần buộc bà T trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C312017, (số vào sổ 00566/QSDĐ/dl) do Ủy ban nhân dân huyện An Phú cấp ngày 06/11/1993 cho ông Nguyễn Bá Q, có diện tích: 1.609m^2 , thửa số 1477, 1485; tờ bản đồ số 03 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 092337, (số vào sổ CH01152dL) cấp ngày 10/12/2010 cho ông Nguyễn Bá Q, diện tích: 1390,6m^2, thuộc thửa số 96, tờ bản đồ số 49, đất đều tọa lạc tại xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, tỉnh AG cho ông Q, bà X.

[9] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên ông Q, bà X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn bà Lê Thị T thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí, tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 và bà T có đơn xin miễn giảm án phí, tạm ứng án phí vào ngày 01/3/2022 và được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 235, 244, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 122, 129, 131, 317, 318, 319, 321, 322, 323, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 3 Điều 167, khoản 3 Điều 188 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T đối với ông Nguyễn Bá Q, bà Mai Thị X.

[2] Buộc ông Nguyễn Bá Q, bà Mai Thị X có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị T tiền gốc 3.650.000.000 đồng *(ba tỷ, sáu trăm năm mươi triệu đồng)* và tiền lãi (tính đến ngày 16/8/2022) là 503.333.333 đồng *(năm trăm lẻ ba triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng)*, tổng cộng: 4.153.333.333 đồng *(bốn tỷ, một trăm năm mươi ba triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng)*.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (16/8/2022) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được ký kết giữa bà Lê Thị T với ông Nguyễn Bá Q, bà Mai Thị X là vô hiệu.

Buộc bà Lê Thị T trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C312017, (số vào sổ 00566/QSDĐ/dl) do Ủy ban nhân dân huyện An Phú cấp ngày 06/11/1993 cho ông Nguyễn Bá Q, có diện tích: 1.609m^2 , thửa số 1477, 1485; tờ bản đồ số 03 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 092337, (số vào sổ CH01152dL) cấp ngày 10/12/2010 cho ông Nguyễn Bá Q, diện tích: 1390,6m^2, thuộc thửa số 96, tờ bản đồ số 49, đất đều tọa lạc tại xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, tỉnh AGcho ông Nguyễn Bá Q, bà Mai Thị X nhận lại.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Bá Q, bà Mai Thị X phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất vô hiệu và phải chịu 112.153.333 đồng *(một trăm mười hai triệu, một trăm năm mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng)* án phí đối với giá trị tài sản phải thực hiện nghĩa vụ, tổng số tiền án phí ông Q, bà X phải nộp là: 112.453.333 đồng *(một trăm mười hai triệu, bốn trăm năm mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng)*.

[5] Về quyền kháng cáo:

Bà Lê Thị T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án;

Ông Nguyễn Bá Q, bà Mai Thị X vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật

thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Y;
- VKSND TP Y;
- TAND tỉnh An Giang;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Dung